TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH THÁI BÌNH	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47 /2019/HS-PT
Ngày 12/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Bà Lương Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Điệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2019/TLPT-HS ngày 30 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Đoàn Văn N (Đoàn Hữu N) do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 98/2019/HS-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố TB, tỉnh Thái Bình.

*** Bị cáo kháng cáo:**

Đoàn Văn N (Đoàn Hữu N), sinh năm 1965 (bị cáo bị khuyết tật nặng); nơi cư trú: thôn ĐP, xã VĐ, thành phố TB, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 2/10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông: Đoàn Hữu Th và bà Hoàng Thị C; có vợ là Vũ Thị X và 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: bản án số 124/HSST ngày 23/9/2003 TAND tỉnh Thái Bình xử phạt Đoàn Văn N 07 năm tù về tội ‘Mua bán trái phép chất ma túy”; bị tạm giữ từ ngày 14/12/2017 đến ngày 23/12/2017 chuyển tạm giam; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo*: Ông Nguyễn Tiến S - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình.

**** Người có nghĩa vụ liên quan.***

1. Anh Trần Văn T - Sinh năm 1980.

Nơi cư trú: thôn QT, xã VĐ, thành phố TB, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Nguyễn Văn Ng - Sinh năm 1967.

Nơi cư trú: SN 23/24 đường HBT, tổ 20, phường ĐT, thành phố TB, tỉnh Thái Bình.

**** Người làm chứng.***

1. Bà Đặng Thị M - Sinh năm 1973.

2. Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm 1963.

Cùng cư trú tại: thôn ĐP, xã VĐ, thành phố TB, tỉnh Thái Bình.

**** Những người khác được triệu tập đến phiên tòa:***

1. Bà Vũ Thị X - Sinh năm 1964.

2. Anh Đoàn Hữu Đ (Đoàn Văn Đ) - Sinh năm 1989.

Cùng cư trú tại: thôn ĐP, xã VĐ, thành phố TB, tỉnh Thái Bình.

3. Ông Đào Văn Th - chức vụ: Trưởng công an xã VĐ.

4. Ông Nguyễn Tuấn A - Cán bộ Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình.

5. Anh Vũ Văn S - Sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn TTN, xã ĐM, thành phố TB, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt bị cáo, ông S, bà X, anh Đ; Vắng mặt anh T, anh N, bà M, ông T, ông Th, ông A, anh S)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 13/12/2017 tại sân nhà ở của bị cáo Đoàn Văn N ở thôn ĐP, xã VĐ, thành phố TB, phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình lập biên bản bắt quả tang bị cáo và Trần Văn T, Nguyễn Văn N về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Trước sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị M và ông Đào Văn Th, cơ quan Công an kiểm tra người anh T thu tại túi áo khoác ngoài bên trái Trần Văn T đang mặc 02 gói nhỏ, bên ngoài gói giấy trắng có in hoa văn, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục, Trường khai đó là 2 gói Hêrôin vừa mua của bị cáo N với giá 400.000 đồng, nguồn gốc số tiền do Nguyễn Văn Ng góp cùng để mua ma túy chung, sử dụng mỗi người

một gói. Trong số tiền mua ma túy do Ng góp có 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng đều viết số 67 bằng mực bút bi màu đen ở dưới hình quốc huy. Kiểm tra người Ng không phát hiện thu giữ gì, Ng khai có góp với T 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng đều viết số 67 bằng mực bút bi màu đen ở dưới hình quốc huy để T mua ma túy. Kiểm tra người bị cáo N thu tại túi ngực bên trái áo trong bị cáo đang mặc số tiền 5.800.000 đồng gồm 04 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 11 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 14 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 04 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng. Trong 14 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, có 02 tờ tiền đều viết số 67 bằng mực màu đen ở dưới hình quốc huy. Cơ quan Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản quản lý niêm phong vật chứng của Trần Văn T ký hiệu M1.

Khoảng 20h cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình ra lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo. Qua khám xét đã thu giữ tại mặt thảm dưới nền nhà trong phòng ngủ của bị cáo N 02 gói bên ngoài đều được gói bằng giấy trắng có viền màu vàng, bên trong cả hai gói đều chứa chất bột màu trắng dạng cục (niêm phong ký hiệu M2), thu trên thảm dưới nền nhà cạnh tường phía sau cửa ra vào phòng ngủ của bị cáo N 01 gói giấy bên trong có 04 mảnh giấy hình chữ nhật kích thước 3 x 4 cm, một mặt màu trắng, mặt còn lại có nhiều màu khác nhau và một số mảnh giấy vụn.

Kết luận giám định số 485/KLGĐ-PC54 ngày 14/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: mẫu M1 gửi giám định là ma túy, loại Hêrôin, có trọng lượng 0,0353 gam. Mẫu M2 gửi giám định là ma túy, loại Hêrôin có trọng lượng 0,5115 gam.

Kết luận giám định số 6457/C54 (TT2) ngày 08/01/2018 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát kết luận: "hàm lượng Hêrôin trong mẫu ký hiệu M1 là 48,2%; hàm lượng Hêrôin trong mẫu ký hiệu M2 là 48,7%".

Ngày 14/02/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình tiến hành trích xuất và niêm phong 01 gói giấy bên trong có 04 mảnh giấy hình chữ nhật có kích thước 3 x 4 cm một mặt màu trắng, mặt còn lại có nhiều màu khác nhau và một số mảnh giấy vụn tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình để tiến hành giám định.

Kết luận giám định số 796/C09-P3 ngày 22/02/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận:

- Không xác định được các mảnh giấy đựng trong phong bì ký hiệu M1 (ký hiệu M1.1, M1.2) và M2 (ký hiệu M2.1, M2.2) gửi đến giám định có phải được cắt ra từ cùng một mảnh giấy hay không?

- 02 mảnh giấy (ký hiệu M1.1, M1.2) đựng trong phong bì kí hiệu M1 và 05 mảnh giấy (ký hiệu M3.1, M3.2, M3.3, M3.4, M3.5) trong phong bì niêm phong trích xuất từ Chi cục thi hành án dân sự thành phố TB được cắt ra từ một tờ giấy.

- Không xác định được các mảnh giấy đựng trong phong bì ký hiệu M1 (ký hiệu M1.1, M1.2) và các mảnh giấy ký hiệu M3.6 trong phong bì niêm phong trích xuất từ Chi cục thi hành án dân sự thành phố TB có phải được cắt ra từ cùng một mảnh giấy hay không.

- Không xác định được các mảnh giấy đựng trong phong bì ký hiệu M2 (ký hiệu M2.1, M2.2) và các mảnh giấy trong phong bì niêm phong trích xuất từ Chi cục thi hành án dân sự thành phố TB (ký hiệu M3.1, M3.2, M3.3, M3.4, M3.5 và M3.6) có phải được cắt ra từ cùng một mảnh giấy hay không.

Kết luận giám định số 796/C09 (P4) ngày 28/02/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- Các mảnh giấy trong phong bì (ký hiệu M1) đều có chất liệu cùng loại với chất liệu của các mảnh giấy trong phong bì (ký hiệu M2).

- Các mảnh giấy trong phong bì (ký hiệu M1 và M2) đều có chất liệu cùng loại với chất liệu của các mảnh giấy trong phong bì niêm phong trích xuất từ Chi cục thi hành án dân sự thành phố TB.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 98/2019/HS-ST ngày 20/6/2019 Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn N (Đoàn Hữu N) phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Hình phạt: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 38, Điều 50, điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn N (Đoàn Hữu N) 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/12/2017. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/6/2019, bị cáo Đoàn Văn N (Đoàn Hữu N) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan và trình bày: Ngày 13/12/2017 bị cáo không bán ma túy cho Trần Văn T mà T mang ma túy đến chào bán cho bị cáo nhưng bị cáo không mua và đuổi T về. Trong số tiền 5.800.000 đồng cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo có hai đồng tiền ghi số 67 là do cơ quan điều tra tự viết vào để buộc tội bị cáo. Số ma túy thu giữ tại mặt thảm dưới nền nhà và túi nilon chứa những mảnh giấy nhỏ công an quản lý trong phòng ngủ của gia đình bị cáo là của công an ném vào mà con bị cáo là Đoàn Hữu Đ đã nhìn thấy. Tất cả lời khai của những người làm chứng bà M, ông T, ông Th đều không đúng sự thật vu oan cho bị cáo. Chiếc đèn để bàn thể hiện trong lời khai của bà M sau này cơ quan công an mới bổ sung vào chứ gia đình bị cáo không sử

dụng đèn để bàn. Biên bản bắt người phạm tội quả tang lưu trong hồ sơ không có chữ ký của bị cáo để hợp pháp hóa về hai đồng tiền có số 67, thực tế khi bị bắt giữ bị cáo có ký Biên bản bắt người phạm tội quả tang. Biên bản ghi lời khai của bị cáo không đúng sự thật. Bị cáo thừa nhận trước khi cơ quan công an tiến hành khám xét chỗ ở, bị cáo đã yêu cầu những người thực hiện việc khám xét phải lộn túi áo, túi quần để bị cáo xác nhận họ không mang theo đồ vật gì khi thực hiện khám xét. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn diện vụ án tránh oan sai cho bị cáo.

Anh Đoàn Hữu Đ trình bày: Khi cơ quan công an thực hiện việc khám xét, anh nhìn thấy có người công an ở vị trí giữa sân ném gói ma túy qua lỗ ánh sáng cửa sổ phòng ngủ của bố mẹ anh, anh có kêu lên nhưng không ai ý kiến gì.

Bà Vũ Thị X trình bày: Do sự việc xảy ra đã lâu, nay bà không còn nhớ được diễn biến sự việc nên bà không có ý kiến trình bày về nội dung vụ việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo kêu oan của bị cáo Đoàn Văn N (Đoàn Hữu N), giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo tranh luận với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Cơ quan công an không bắt được quả tang bị cáo giao dịch bán ma túy cho Trần Văn T, không có chứng cứ xác định 02 gói ma túy thu giữ của T do T mua của bị cáo. Hai đồng tiền có ghi số 67 cơ quan công an không niêm phong làm căn cứ chứng minh bị cáo đã bán ma túy cho T. Các văn bản tố tụng Biên bản bắt người phạm tội quả tang và Biên bản ghi lời khai của bị cáo lưu trong hồ sơ không đúng sự thật. Biên bản thực nghiệm điều tra bị cáo không được tham gia là không khách quan. Do vậy, cơ quan pháp luật kết tội bị cáo mua bán trái phép chất ma túy là oan sai cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Bị cáo xác định không bán ma túy cho Trần Văn T, ma túy thu giữ trong nhà bị cáo do có người ném vào, tài liệu trong hồ sơ cơ quan điều tra lập không khách quan, những người làm chứng trình bày thiếu trung thực. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của bị cáo, anh Đ để xem xét toàn diện vụ án, tránh oan sai cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không phạm tội và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đoàn Văn N (Đoàn Hữu N) không thừa nhận về hành vi bán 02 gói ma túy cho anh Trần Văn T mà khai T mang ma túy đến chào bán cho bị cáo nên bị cáo đã đuổi T về và không thừa nhận 02 gói ma túy Cơ quan điều tra khám xét, thu giữ tại phòng ngủ của gia

đình là của bị cáo. Số tiền 5.800.000 đồng cơ quan Công an quản lý của bị cáo là do bị cáo bán thịt lợn mà có, trong số tiền thu giữ của bị cáo có 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng ghi số 67 dưới hình quốc huy là do cán bộ điều tra tự viết vào. 02 gói ma túy và túi nilon có chứa 04 mảnh giấy nhỏ công an quản lý trong gian buồng ngủ của gia đình không phải của bị cáo mà do công an ném vào.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/9/2018 anh Trần Văn T và anh Nguyễn Văn Ng đều khai nhận: 16 giờ 30 phút ngày 13/12/2017 anh T và anh Ng rủ nhau góp tiền mua ma túy về sử dụng. Anh Ng đưa cho anh T 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, trên hai tờ tiền đều có ghi số 67 được viết bằng mực bút bi màu đen ở dưới hình quốc huy. Anh T đã mua 02 gói ma túy của bị cáo và trả cho bị cáo số tiền 400.000 đồng trong đó có 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có đặc điểm ghi số 67 dưới hình quốc huy. Anh T không mang ma túy đến chào bán như bị cáo trình bày. Sau khi bị bắt quả tang mua ma túy của bị cáo, anh T và anh Ng bị khóa tay, có công an canh coi và ngồi tại sân cách cửa sổ phòng ngủ của gia đình bị cáo khoảng 2m, cửa sổ gian lồi bị đóng chứ không mở, các anh không chứng kiến thấy ai ném vật gì vào nhà bị cáo N.

[3] Người làm chứng bà Đặng Thị M khai: Bà được cơ quan công an mời chứng kiến việc khám xét người và khám xét chỗ ở của bị cáo N. Kiểm tra ba người đàn ông là bị cáo N, T và N, thấy công an thu giữ của T 02 gói nhỏ, quản lý ở túi áo của N số tiền 5.800.000 đồng. Khi công an đọc biên bản nội dung trong số tiền thu của bị cáo có hai tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có ghi số 67 bằng mực bút bi màu đen ở dưới hình quốc huy. Trước khi khám xét bị cáo yêu cầu những người thực hiện việc khám xét phải lộn túi áo túi quần ra cho bị cáo và bà X (vợ bị cáo) kiểm tra, không phát hiện gì liên quan đến ma túy. Bà X là người trực tiếp mở cửa bước vào gian buồng đầu tiên rồi mới đến cán bộ khám xét và người chứng kiến. Quá trình khám xét diễn ra khách quan, kết quả khi khám xét tại phòng ngủ của bị cáo phát hiện thấy 1 chiếc đèn để bàn để trên thảm sàn nhà khi nhấc đèn lên thì thấy 02 gói được gói bằng giấy có viền vàng, bên trong có chất bột màu trắng dạng cục, Cơ quan Công an đã niêm phong 02 gói đó. Ngoài ra còn quản lý một túi nilon bên trong có một số mảnh giấy nhỏ. Quá trình bà chứng kiến công an làm việc tại nhà bị cáo N, bà thấy bị cáo N, T, Ng bị khóa tay ngồi ngoài sân có sự giám sát của lực lượng công an, còn những người không có nhiệm vụ khám xét không ai được đi lại tại khu vực khám xét. Cửa sổ phòng ngủ của vợ chồng bị cáo N có khép nhưng không khóa chốt.

[4] Ông Đào Văn T - Trưởng Công an xã VĐ khai: Ông có chứng kiến việc cơ quan Công an quản lý của anh Trần Văn T 02 gói giấy trắng có in hoa văn bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục, quản lý của bị cáo Đoàn Văn N số tiền 5.800.000 đồng. Khi lập biên bản bắt người phạm tội quả tang ông thấy cán bộ công an kiểm đến tập tiền quản lý của bị cáo trong đó có 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có ghi số 67 viết bằng mực màu đen dưới hình quốc huy do cán bộ

Công an đưa ra cho xem, ông có nhìn thấy hai tờ tiền đó do vậy ông mới ký vào biên bản.

[5] Người làm chứng ông Nguyễn Văn T khai: Khoảng 18 giờ ông đang ở nhà được anh Đào Văn T đến tìm để chứng kiến sự việc bị cáo N bị công an bắt về mua bán ma túy. Khi ông đến, bị cáo N đang ngồi ở sân góc cửa bếp, cách cửa ra vào nhà chính khoảng 1,5m, hai tay bị khóa về đằng trước, còn lại hai người thanh niên một người tên T, một người tên Ng ngồi xổm bị khóa tay đằng trước ở ngay dưới cửa sổ phòng ngủ của hai vợ chồng bị cáo N, lúc đó ông thấy cửa sổ hơi mở hé hai cánh mở cách nhau khoảng 20cm. Anh T, anh Ng bị công an giám sát chặt chẽ, không có tác động gì lạ. Ông có chứng kiến việc khám xét ba người trên. Kiểm tra anh T thu tại túi áo khoác bên trái 02 gói giấy nhỏ mầu trắng bên trong các cục màu trắng, anh T khai đây là ma túy mua của bị cáo N hết 400.000 đồng, kiểm tra anh Ng không thu giữ gì. Kiểm tra và thu của bị cáo N số tiền 5.800.000 đồng tại túi áo khoác trong số tiền được xếp ngay ngắn riêng từng loại gồm tiền 500.000 đồng, 200.000 đồng, 100.000 đồng, 50.000 đồng, trong số tiền mệnh giá 100.000 đồng có 02 tờ viết số 67 bằng mực màu đen dưới hình quốc huy, bị cáo N khai đây là tiền bán thịt lợn, trả tiền mua cám. Ông không chứng kiến việc khám xét nhà ở của bị cáo N.

[6] Quá trình điều tra, bà Vũ Thị X và anh Đoàn Hữu Đ khai: Khi cơ quan công an ập đến nhà, bà X và bị cáo N đang cho lợn ăn, còn anh Đ đang ở trong nhà, công an dong anh T, anh Ng từ ngoài ngõ vào và nói bắt quả tang bị cáo N đang bán ma túy. Công an thu giữ của bị cáo số tiền 5.800.000 đồng nhưng không nói gì về việc có 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có ghi số 67. Bà X trực tiếp chứng kiến việc công an khám xét nhà. Trước khi khám xét, bị cáo N đã yêu cầu kiểm tra túi quần, túi áo của của những người khám xét. Khi khám gian buồng ngủ của vợ chồng, bà và bà M đi trước rồi đến những người khám xét và ông Th vào. Kết quả khám xét công an có quản lý 02 gói giấy màu trắng có viền vàng, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục trên mặt thảm dưới nền nhà và 01 túi nilon có chứa một số mảnh giấy. Bà X xác định những đồ vật đó không phải của bà và bị cáo N. Anh Đ xác định những đồ vật đó không phải của anh còn của ai anh không biết. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/9/2018, bà X khai có người đã ném ma túy vào nhà bà nhưng bà không biết ai ném, anh Đ khai nhìn thấy công an ném ma túy vào nhà anh nhưng không rõ danh tính người đó. Sau khi hồ sơ được trả để điều tra bổ sung anh Đ khai: Ngày 13/12/2017 anh ngồi tại cửa đại ra vào nhà, anh có nhìn đoàn khám xét nơi ở của bố anh, lực lượng công an thu trên mặt thảm dưới nền nhà cạnh dưới cửa sổ 02 gói chất bột màu trắng và một số mảnh giấy, 02 gói ma túy không phải của anh và cũng phải của ai trong gia đình anh. Trước khi mọi người vào trong nhà khám xét thì bố anh yêu cầu họ lộn túi quần, túi áo, thấy không có ai mang theo đồ vật gì thì mới bắt đầu vào nhà khám xét.

[7] Kết quả giám định thể hiện: 02 mảnh giấy gói hai gói ma túy thu giữ của anh T và 02 mảnh giấy gói hai gói ma túy và các mảnh giấy thu giữ tại phòng ngủ của gia đình bị cáo N đều có chất liệu cùng loại. 02 gói ma túy thu giữ của anh T và 02 gói ma túy thu giữ trong nhà bị cáo N đều là Hêrôin và có hàm lượng tương đương nhau.

[8] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của bị cáo, người liên quan, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác xét thấy: Cơ quan công an bắt bị cáo Đoàn Văn N (Đoàn Hữu N) ngày 13/12/2017 là bắt người phạm tội quả tang. Khi bắt người và lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang, khám xét, thu giữ đồ vật và niêm phong vật chứng công an thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo xác định có ký vào Biên bản bắt người phạm tội quả tang, tuy nhiên những người làm chứng đều xác định khi bị bắt giữ bị cáo chỉ khai báo họ tên, năm sinh nơi cư trú ngoài ra không khái báo gì thêm và không ký biên bản. Các Biên bản ghi lời khai và Biên bản hỏi cung, bị cáo đều xác nhận đã được nghe đọc lại và ký nhận vào từng trang biên bản. Tại phiên tòa, sau khi được xem biên bản bị cáo xác định chữ ký trong các Biên bản hỏi cung bị can đúng là chữ ký của bị cáo. Cơ quan công an thực nghiệm điều tra để làm rõ vị trí đứng của anh Ng có thể quan sát được việc giao dịch mua bán ma túy giữa T và bị cáo không, cho nên công an không trích xuất bị cáo tham gia là đúng pháp luật. Do đó, bị cáo, người bào chữa xác định các văn bản trên lập không hợp pháp, nội dung không đúng sự thật, bị cáo không được tham gia thực nghiệm điều tra là thiếu khách quan là không có căn cứ chấp nhận.

[9] Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm những người làm chứng đều khai không nhìn thấy ai ném ma túy vào nhà bị cáo. Các Bản tự khai và Biên bản ghi lời khai trong hồ sơ, không có lời khai nào của anh Đ trình bày có người ném ma túy vào trong phòng ngủ của gia đình bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/9/2018 và phiên tòa phúc thẩm ngày 12/9/2019 anh Đ khai có người ném ma túy vào nhà nhưng lời khai hai thời điểm mâu thuẫn nhau và anh Đ, bà X là hai người thân của bị cáo nên lời khai là không khách quan. Mặt khác, lời khai của bà M thể hiện *"khi khám xét tại phòng ngủ của bị cáo phát hiện thấy 1 chiếc đèn để bàn để trên thảm sàn nhà khi nhấc đèn lên thì thấy 02 gói được gói bằng giấy có viền vàng"*, trường hợp có người ném ma túy vào nhà bị cáo thì ma túy không thể nằm dưới chiếc đèn để bàn được. Vì vậy, việc bị cáo và anh Đ cho rằng công an đã ném ma túy qua lỗ anh sáng cửa sổ vào phòng ngủ của gia đình bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[10] Trong số tiền thu giữ của bị cáo, những người làm chứng đều xác định có hai đồng tiền mệnh giá 100.000 đồng ghi số 67 bằng mực bút bi màu đen dưới hình quốc huy, bị cáo cho rằng công an tự viết vào để buộc tội bị cáo, tuy nhiên không ai chứng kiến việc này nên không có cơ sở chấp nhận.

[11] Từ những phân tích đánh giá các chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Đoàn Văn N (Đoàn Hữu N) đã có hành vi tàng trữ 02 gói ma túy loại Hêrôin, khối lượng 0,5115 gam dùng để bán kiếm lời và ngày 13/12/2017 bị cáo đã bán cho anh Trần Văn T 02 gói Hêrôin, khối lượng 0,0353 gam với giá 400.000 đồng tại nhà bị cáo và bị bắt quả tang. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng pháp luật.

[12] Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo Đoàn Văn N (Đoàn Hữu N), áp dụng tình tiết giảm nhẹ xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo kháng cáo kêu oan song không đưa ra được căn cứ chứng minh bị cáo vô tội, tại phiên toà phúc thẩm không phát sinh thêm tình tiết mới do đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là phù hợp pháp luật.

[13] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[14] Án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn N (Đoàn Hữu N) không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn N (Đoàn Hữu N). Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 98/2019/HS-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố TB đối với bị cáo.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm p khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn N (Đoàn Hữu N) **02 năm 06 tháng tù** về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy"*, thời hạn tù tính từ ngày 14/12/2017. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đoàn Văn N (Đoàn Hữu N) phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo

Nơi nhận
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;
- TAND thành phố TB;
- CA-VKS-THADS thành phố TB;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- UBND xã VĐ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.